TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN C** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07/02/2022
V/v "*Tranh chấp xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Bùi Trung Hiến**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông **Bùi Thanh Trí**

2/ Bà **Trần Ngọc Sáng**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Hoài Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ*** tham gia phiên tòa: Bà **Võ Thị Nhu** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 108/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021 về *"Tranh chấp xin ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 296/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Tấn N,** sinh năm 1987 (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: khu vực 1, phường A, quận V, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Bà **Trần Thị Trúc P**, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Địa chỉ: khu vực A, phường C, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/11/2021 và quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Nguyễn Tấn N trình bày:

Qua tìm hiểu chúng tôi tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ vào ngày 19/6/2014.

Chúng tôi sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, chúng tôi thường xuyên cự cải, cả hai đã cố hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Chúng tôi đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Vì vậy, tôi làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ giải quyết cho tôi vấn đề sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho tôi được ly hôn với bà Trần Thị Trúc P.

+ Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung tên Nguyễn Tấn P (nam); sinh ngày 13/7/2014. Hiện tại cháu P đang sống với tôi. Tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Phát đến khi trưởng thành. Không yêu cầu bà P cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Trần Thị Trúc P: Được Tòa án triệu hợp lệ 02 lần nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Bị đơn tiếp tục vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cphát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn vắng mặt các lần hòa giải và xét xử, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy mâu thuẫn giữa ông N và bà P đã thật sự nghiêm trọng, đời sống hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Ông Nguyễn Tấn N và bà Trần Thị Trúc P tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ vào ngày 19/6/2014 nên xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, ông N và bà P phát sinh mâu thuẫn, ông N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là "*Tranh chấp ly hôn*". Bị đơn có địa chỉ tại quận Ccho nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Ctheo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn ông Nguyễn Tấn N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn – bà Trần Thị Trúc P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt cho nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án (vắng mặt nguyên đơn và bị đơn) theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét quan hệ hôn nhân:* Ông N và bà P chung sống năm 2014 và có đăng ký kết hôn năm 2014 tại ủy ban nhân dân phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên tòa hôm nay bà P đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt nên được xem là từ bỏ quyền tranh tụng của mình. Hội đồng xét xử sẽ giải quyết vụ án dựa trên trình bày của ông N và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Theo ông N, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cải cho nên ông xin ly hôn.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án, ông N xác nhận ông và bà P chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng mặc dù vợ chồng có cố gắn hàn gắn tình cảm nhưng không cải thiện. Do đó, ông và bà P đã ly thân với nhau từ năm 2017 cho đến nay.

Mặt khác, bà P đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn không đến Toà án tham gia tố tụng để Toà án hoà giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ giữa bà P và ông N đã không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được thì cuộc sống chung cũng không còn ý nghĩa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông N theo quy định tại khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] *Về con chung*: Ông N khai có 01 con chung là Nguyễn Tấn P (nam); sinh ngày 13/7/2014. Hiện tại cháu P đang chung sống với ông N. Sau khi ly hôn ông N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Phát đến khi trưởng thành.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*".

Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 31/12/2021 thì cháu Phát có nguyện vọng sống với cha (bút lục 34). Ngoài ra, hiện tại cháu P đang sống chung với ông N. Ông N cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu P đến khi trưởng thành. Nhằm tạo điều kiện về mặt vật chất và tinh thần cho cháu P tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu. Vì vậy, việc giao cháu P cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp quy định pháp luật và cũng đảm bảo cuộc sống cho cháu P. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông N không yêu cầu bà P cấp dưỡng cho nên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà P theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Nguyên đơn khai là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Với những phân tích nêu trên về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung này là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn N về việc ly hôn với bà Trần Thị Trúc P.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Tấn N được ly hôn với bà Trần Thị Trúc P.

2. *Về con chung*: Nguyên đơn khai có 01 con chung là Nguyễn Tấn P (nam); sinh ngày 13/7/2014. Giao cháu Phát cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Ghi nhận ông N không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà P theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Ông Nguyễn Tấn N phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp theo biên lai thu số 00081022 ngày 19/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự, quận Cthành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm phải chịu. Ông N đã nộp xong án phí.

5. *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND QCR;
- Chi cục THADS quận Cái Răng;
- TAND TP.CT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Trung Hiến